

Bản án số: 168/2022/DS-PT

Ngày: 10-5-2022

“V/v tranh chấp dân sự-
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Bà Phạm Thị Liên Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Huỳnh Thị Dạm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử P thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về “*Tranh chấp dân sự - vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2021/DS-ST ngày 18 tháng 06 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử P thẩm số: 299/2021/QĐ-PT ngày 01/12/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 129/TB-TA ngày 25/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn L (Lành), sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp Bình Định, xã Bình Thành, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Thu E (Nguyễn Thị Thu N), sinh năm 1975;

2.2. Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Ấp Phú Thọ A, xã Phú Thọ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà E và ông Nguyễn Thanh P là luật sư Lê Thị Mi - Văn phòng luật sư Lê Anh Tuấn - Chi nhánh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1962;

3.2. Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: Ấp Phú Thọ A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị Thu N và ông Nguyễn Thanh P là bị đơn.

(Ông L, P, bà E, luật sư Mi có mặt; ông M, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 19/02/2020; đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/01/2021; biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2021; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 19/3/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đoàn Văn L trình bày:* Vào ngày 26/9/2018, vợ chồng bà E, ông P có vay của ông số tiền 450.000.000đ, lãi suất là 3%/tháng, để làm vốn mua bán xoài, hẹn khoảng 2 tháng sẽ trả lại gốc và lãi cho ông. Khi nhận tiền, vợ chồng bà E cùng đến nhà ông nhận tiền, nhưng chỉ có 1 mình bà E làm biên nhận cho ông (biên nhận tiền ngày 26/9/2018 (al)). Sau khi vợ chồng bà E vay tiền xong, hết thời hạn không thấy vợ chồng bà E trả tiền, ông có đến nhà của vợ chồng bà E để đòi lại số tiền trên thì ông P (chồng bà E) có hẹn với ông là gần tết năm 2018 sẽ trả nhưng từ đó cho đến nay vợ chồng bà E không trả lại số tiền trên lại cho ông.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh P (chồng bà E) và bà Nguyễn Thị Thu E cùng có trách nhiệm trả lại cho ông số tiền vay gốc là 450.000.000đ và tiền lãi từ khi vay cho đến khi giải quyết xong vụ án, với mức lãi suất là 1,66%/tháng.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/01/2021 ông Nguyễn Thanh P trình bày:* Vào năm 2018 (không nhớ ngày, tháng), vợ chồng ông từ C về N, trên đường về thì ông M (anh rể bà E) có điện thoại kêu vợ chồng ông ghé nhà ông L để nhờ nhận dùm số tiền 450.000.000đ. Sau khi tới nhà ông L thì vợ ông (E) vào nhà ông L để nhận số tiền trên, còn ông thì đứng ở ngoài giữ xe. Sau khi vợ chồng ông nhận số tiền trên về đưa lại cho ông M sử dụng. Gần tết, ông L có đến gặp ông để đòi số tiền trên, thì ông M có nhờ ông đứng ra hứa với ông L là gần tết sẽ trả số tiền trên.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền đã nhận là 450.000.000đ và yêu cầu tính lãi, ông không đồng ý, vì số tiền trên vợ chồng ông nhận dùm ông M chứ không phải vợ chồng ông vay tiền của ông L.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/01/2021 bà Nguyễn Thị Thu N trình bày:* Vào năm 2018 (không nhớ ngày, tháng) bà có điện thoại cho ông L để hỏi vay số tiền 450.000.000đ. Lúc đó ông L có kêu vợ chồng bà xuống nhà ông L để lấy tiền. Thời điểm trên vợ chồng bà E (em ruột bà) từ C về N, nên bà có điện thoại nhờ vợ chồng bà E ghé nhà ông L để nhận dùm số tiền 450.000.000đ, khi nhận tiền thì bà E có làm biên nhận tiền với ông L. Sau khi vợ chồng bà E nhận số tiền trên về đưa lại cho vợ chồng bà sử dụng. Gần tết, ông L có đến gặp vợ chồng bà E để đòi số tiền trên. Lúc đó, chồng bà (ông M) và ông P (chồng bà E) nói chuyện thế nào thì bà không biết.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà E trả số tiền đã nhận là 450.000.000đ và yêu cầu tính lãi, bà không đồng ý, vì số tiền trên vợ chồng bà E nhận dùm vợ chồng bà, nay bà đồng ý trả số tiền trên cho ông L.

- *Tại tờ tường trình ngày 20/01/2021 ông Nguyễn Văn M trình bày:* Số tiền 450.000.000đ mà bà E làm biên nhận với ông L, tuy trong biên nhận tiền bà E có ghi là nhận dùm vợ chồng ông nhưng vợ chồng ông không biết số tiền này và cũng không có sử dụng. Việc bà E làm biên nhận và nhận tiền của ông L thì bà E có trách nhiệm trả.

3. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Đoàn Văn L đối với ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị Thu E.

- Buộc ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị Thu E có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Đoàn Văn L số tiền vay gốc còn thiếu là 450.000.000đ và tiền lãi từ ngày 26/9/2018 đến ngày 18/6/2021 là 244.518.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 694.518.000đ (Sáu trăm chín mươi bốn triệu năm trăm mười tám nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và tuyên về thời hạn kháng cáo.

4. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị Thu E kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa toàn bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Thu N có nghĩa vụ trả nợ cho ông Đoàn Văn L.

5. Tại phiên tòa P thẩm:

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận là 20.000.000 đồng cho bị đơn vào số tiền phải trả theo án sơ thẩm.

- Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà E và ông P trình bày:

+ Biên nhận nợ ngày 26/9/2018 không thể hiện nội dung vay mà chỉ thể hiện là nhận tiền dùm.

+ Phía nguyên đơn trình bày ở sơ thẩm cho rằng vợ chồng ông M nợ nhiều nên không kiện ông M mà kiện vợ chồng ông P, nghĩa là nợ này không phải của ông P và bà E.

+ Vụ án đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực pháp luật.

+ Cần phải thu thập đầy đủ chứng cứ và đối chất với phía ông M, bà N.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị Thu E.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa P thẩm.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thanh P và Nguyễn Thị Thu E.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn số tiền vay và tiền lãi còn nợ nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp dân sự - vay tài sản” là phù hợp với quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án Tỉnh thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự P thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị Thu E, Hội đồng xét xử P thẩm nhận thấy:

- Theo nội dung trong biên nhận tiền ngày 26/9/2018 thể hiện: *“Tôi em của anh 5 M có nhận tiền từ anh 450.000.000đ. Bốn trăm năm chục triệu, người nhận. Nguyễn Thị Thu N”*. Qua làm việc, ông P và bà N đều xác nhận tên người nhận tiền Nguyễn Thị Thu N chính là bà Nguyễn Thị Thu E là vợ của ông Nguyễn Thanh P. Tuy biên nhận tiền này thể hiện chỉ có bà E (vợ ông P) ghi và ký tên, nhưng ông P thừa nhận chữ viết và chữ ký trong biên nhận tiền nêu trên là của vợ ông và ông cũng biết vợ ông có nhận số tiền trên của ông L. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 13/01/2021 ông P trình bày: *“Gần tết, ông L có đến gặp ông để đòi số tiền trên, thì ông có đứng ra hứa với ông L là gần tết sẽ trả số tiền trên”*.

- Theo biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị Thu N ngày 13/01/2021 và theo biên bản giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tại Tòa án nhân dân huyện N số thụ lý 45/2020 ngày 04/02/2020, thì ông M và bà Thu N thừa nhận số tiền theo biên nhận ngày 26/9/2018 do ông M ký tên, còn việc ký nhận từ số tiền theo biên nhận ngày 26/9/2018 viết phía dưới thì ông M, bà N không thừa nhận có mượn nhưng sau khi giải quyết xong vụ án thì bà N mới đứng ra nhận nợ số tiền trên là nhờ vợ chồng ông P và E nhận từ là chưa phù hợp.

- Tại các phiên tòa phía ông P, bà E không có chứng cứ gì chứng minh là mình chỉ nhận tiền dùm ông M, bà N và đã giao số tiền đã nhận theo biên nhận ngày 26-9-2018 xong cho ông M và bà N. Mặt khác, theo bà E trình bày thì số tiền vay dùm ông M nhưng về không giao cho ông M mà giao cho bà N là chưa phù hợp.

- Đối với việc thừa nhận nợ của bà Nguyễn Thị Thu N đối với số tiền nguyên đơn khởi kiện sau khi giải quyết nợ của ông L với ông M, bà N nhưng phía ông M không thừa nhận. Mặt khác, qua xem xét hồ sơ kê biên thi hành án của Chi cục Thi hành án huyện N thì toàn bộ tài sản của ông M, bà N đã bị kê biên thi hành án việc nhận nợ của bà N có dấu hiệu nhằm trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị Thu E nên không có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phiên tòa P thẩm ông L thừa nhận có nhận 20.000.000 đồng tiền lãi của ông P và bà E và đồng ý khấu trừ vào số tiền lãi đã nhận nên cần điều chỉnh lại số tiền vốn và lãi phải trả cho phù hợp. Tổng số tiền vốn và lãi phải trả là là $694.518.000đ - 20.000.000 \text{ đồng} = 674.518.000 \text{ đồng}$.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử P thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị Thu E. Tuy nhiên do nguyên đơn đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận là 20.000.000 đồng nên cần điều chỉnh lại tiền theo sự tự nguyện của ông Đoàn Văn L và sửa một phần án sơ thẩm số: 30/2021/DS-ST ngày 18/06/2021 của Tòa án nhân dân huyện N.

Đối với việc ông P, bà E nếu có chứng cứ chứng minh mình đã giao đủ số tiền đã nhận cho ông M, bà N thì được quyền khởi kiện đòi lại số tiền này bằng vụ kiện dân sự khác.

Do sửa án sơ thẩm nên ông P và bà E không phải chịu tiền án phí dân sự P thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày của luật sư là chưa phù hợp với các nhận định trên nên không chấp nhận.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là chưa phù hợp với các viện dẫn trên nên không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 38; Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị Thu E;

Ghi nhận sự tự nguyện khấu trừ của ông Đoàn Văn L về việc khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng vào số tiền phải trả.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2021/DS-ST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện N;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Đoàn Văn L đối với ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị Thu E.

2. Buộc ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị Thu E có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Đoàn Văn L số tiền vay gốc còn thiếu là 450.000.000đ và tiền lãi từ ngày 26/9/2018 đến ngày 18/6/2021 là 224.518.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 674.518.000đ (Sáu trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm mười tám nghìn đồng).

Ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị Thu E tiếp tục chịu lãi của số tiền trên, kể từ ngày 19/6/2021, theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cho đến khi thi hành án xong số tiền nêu trên.

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị Thu E phải liên đới chịu 30.980.000 đồng (Ba mươi triệu chín trăm tám chục ngàn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí P thẩm:

Ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị Thu E không phải chịu án phí dân sự P thẩm và được nhận lại mỗi người 300.000đ tiền tạm ứng án phí P thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016244 và 0016243 ngày 16/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án P thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. N;
- Chi cục THADS H. N;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Tùng